

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/8/2025

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hg Thị Ái

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Chử – Cán bộ nghỉ hưu
2. Bà Dương Thị Thu Hồng – Chủ tịch Hội phụ nữ xã

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Lam - Thư ký TAND khu vực 1 - Hưng Yên

- Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Yên
- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2025/TLST - HNGĐ ngày 16/6/2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 24/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST- HNGĐ ngày 14/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị Huyền M, sinh năm 1996

Địa chỉ: thôn Đ N, xã D H, thành phố Hà Nội

- Bị đơn : Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn ĐX, xã P NL, tỉnh Hưng Yên

- Người có QLVN liên quan: 1. Cháu Nguyễn Đ K, sinh ngày 16/11/2019

2. Cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 16/11/2019

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Nguyễn Thị Huyền M và anh Nguyễn Minh H – Bố mẹ của các cháu

Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2025 và lời khai của chị M trình bày: Chị và anh H có Đ ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào năm 2019. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà ở Hà Nội làm ăn, sinh sống. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc,

đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, nhiều lần cãi nhau không thể hòa giải. Do mâu thuẫn, chị và các con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh H về quê sinh sống sau đó vào Nam làm ăn. Vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau vì các con, khi chị làm đơn ly hôn anh H, chị có gọi điện nói chuyện với anh H, anh H nhất trí ly hôn vì xác định không ở với nhau được nữa.

- Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Nguyễn Đ K và Nguyễn Hải Đ, đều sinh ngày 16/11/2019. Hiện các con chung đang ở với chị M, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Bà Bùi Thị Gấm (mẹ đẻ của anh H) trình bày: Anh H, chị M tự tìm hiểu nhau, sau đó được hai gia đình tổ chức cưới, anh chị có Đ ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào năm 2019. Sau khi cưới, chị M về gia đình bà ở được vài ngày thì vợ chồng thuê nhà Hà Nội làm ăn, sinh sống. Đến năm 2022, anh H chị M mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị M và hai con về bố mẹ đẻ ở, còn anh H một thời gian sau vào Nam làm ăn, bà vẫn liên lạc với anh H qua điện thoại, còn địa chỉ cụ thể của anh H bà không rõ, chị M xin ly hôn về phía gia đình và anh H đều đồng ý ly hôn..

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Đ K. Hiện nay cả hai con đang ở với chị M

- Về tài sản chung, công nợ: Không có

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và lấy lời khai của anh H nhưng anh H đều vắng mặt nên trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện quan điểm của anh H.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Đào Dương (nay là xã Phạm Ngũ Lão): Chị M, anh H là vợ chồng, có Đ ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương vào ngày 08/7/2019 tại số 25. Quá trình chị M, anh H chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được vì chị M, anh H không sinh sống tại địa phương. Anh H có Đ ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đào Xá, xã Đào Dương.

- Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Nguyễn Hải Đ và cháu Nguyễn Đ K, đều sinh ngày 16/11/2019

- Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 14/8/2025: Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 1 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 22/8/2025: Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

- + Về chấp hành pháp luật tố tụng:
 - Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 35, 48, 97, 98, 196, 204, 205, 208, 220 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.
 - Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.
 - Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đều không có mặt để lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, anh H đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 BLTTDS.
- + Về đường lối giải quyết:
 - Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.
Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.
 - Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền M được ly hôn anh Nguyễn Minh H.
 - Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đ K và Nguyễn Hải Đ cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.
- Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.
 - Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
 - Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có Đ ký kết hôn tại UBND xã

Đào Dương, huyện Ân Thi (nay là xã Phạm Ngũ Lão), tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/7/2019. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị M là hợp pháp. Nay chị M có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh H có nơi cư trú tại Đào Xá, Đào Dương, Ân Thi (nay là xã Phạm Ngũ Lão) nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi (nay là TAND khu vực 1, tỉnh Hưng Yên), theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị M xác định vợ chồng chung sống đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã tìm biện pháp để khắc phục nhưng mâu thuẫn vợ chồng không giảm mà ngày một trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Lời khai của chị M phù hợp với lời khai của mẹ anh H. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh H, chị M đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị M kiên quyết xin ly hôn, về phía anh H đều vắng mặt. Qua gia đình, anh H có quan điểm vợ chồng không ở được với nhau nữa nên chị M ly hôn, anh H đồng ý, tuy nhiên anh H không có văn bản ý kiến gửi về Tòa án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã có thời gian dài mâu thuẫn mà không có biện pháp gì để khắc phục, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn quan tâm cuộc sống của nhau, vì vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị M là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho chị M được ly hôn anh H để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H, chị M có 02 con chung là Nguyễn Đ K và Nguyễn Hải Đ, đều sinh ngày 16/11/2019. Hiện cả hai cháu đang ở với chị M. Quá trình giải quyết vụ án chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, còn anh H được Tòa án triệu tập, thông báo nhưng đều vắng mặt nên không rõ quan điểm của anh H nhưng qua gia đình anh H, anh H nhất trí để chị M nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, xét thấy nguyện vọng chị M, anh H là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con cái. Bản thân chị M đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ, chị M có mở cửa hàng làm đẹp tại nhà, anh H làm việc xa, hơn nữa nguyện vọng của chị M phù hợp điều kiện thực tế hiện nay các con chung đang ở với chị M, để hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, HĐXX giao cả hai con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị M tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX chấp nhận

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền M được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đ và cháu Nguyễn Đ K, đều sinh ngày 16/11/2019 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên.

Công nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001519 ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1). Chị M đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị M, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VKSND cùng cấp;
- THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão, Hưng Yên;
- Lưu HS.

Hg Thị Ái

